

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số:139/2018/HSST

Ngày: 27/4/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhạn

Bà Thiều Thị Phi Loan.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẩn- Thư ký TAND TP.
Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham
gia phiên tòa:*** ông Hà Quốc Hùng - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 61/2018/HSST ngày 26 tháng 02 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2018/QĐXXST-HS ngày 23/3/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 164/2018/QĐHPT-HS ngày 17/4/2018, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Ngọc Tr**

Tên gọi khác: không. Giới tính: Nam

Sinh năm 1967 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký NKTT: 79 đường Cách mạng tháng 8, khu phố 2, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: như trên.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: không.

Nghề nghiệp: thợ hồ. Chức vụ: không.

Trình độ học vấn: 4/12

Họ tên cha: Nguyễn Văn B (đã chết)

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Ng - Sinh năm 1938.

Gia đình có 09 anh chị em, bị can là con thứ năm.

Sống chung như vợ chồng với chị Phạm Ngọc Th- sinh năm 1972 và có 01 con chung sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân:

-Ngày 21-4-1989, bị Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 (mười tám) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản XHCN và trộm cắp tài sản công dân”. Xác minh việc đóng án phí và bồi thường dân sự do thời gian đã lâu nên Chi cục thi hành án dân sự thị xã Th không tìm thấy thông tin lưu trữ.

-Ngày 15-10-1992, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”. Xác minh việc đóng án phí và bồi thường dân sự do thời gian đã lâu nên Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai không tìm thấy thông tin lưu trữ.

-Ngày 28-10-2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Chấp hành xong bản án ngày 09-11-2008.

Bị bắt tạm giữ ngày 04-9-2017, chuyển tạm giam theo lệnh số 536 ngày 12-9-2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thành phố Biên Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Nguyễn Ngọc Tr là người nghiện ma túy. Để có ma túy sử dụng, vào lúc 19 giờ ngày 04 tháng 9 năm 2017, Tr đi đến khu vực thuộc quận G, thành phố Hồ Chí Minh, gặp một người (không rõ họ tên, địa chỉ) mua 01 (một) gói ma túy (hàng đá) với giá 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng). Sau đó, Tr cất giấu gói ma túy trên trong lai quần bên trái đang mặc, rồi điều khiển xe mô tô biển số 60B4-086.74 về đến gần công viên L, thuộc khu phố 1, phường B, thành phố B thì bị Công an thành phố B phát hiện bắt quả tang.

*Tại Kết luận giám định số 368/PC54-GĐMT ngày 08-9-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận như sau:

“Mẫu M được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng 6,9756gam, loại **Methamphetamine**.”

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Tr về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 điều 194 BLHS năm 1999.

b) Về các vấn đề khác:

Vật chứng vụ án:

- 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (kí hiệu M) (Nguyễn Ngọc Tr khai là ma túy đá) đã được niêm phong có chữ ký của Trường và dấu mộc của Công an phường B, thành phố B.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO số thuê bao 01213433878, số Imel 869700021323311 của Tr không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) là tiền cá nhân của Tr không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 (một) xe mô tô biển số 60B4-086.74.

c) Tại bản cáo trạng số 73/CT/VKS- HS ngày 22/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Tr về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại Điều 194 khoản 1 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về việc truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

-[1]Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc Tr đã khai nhận, Khoảng 23 giờ 20 phút ngày 04 tháng 9 năm 2017, tại khu vực công viên L thuộc khu phố 1, phường B, thành phố B, Nguyễn Ngọc Tr đang tàng trữ trái phép 6,9756gam, loại Methamphetamine thì bị Công an thành phố B bắt quả tang.

Căn cứ kết luận giám định số 368/PC54-GĐMT ngày 08-9-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận như sau:

“Mẫu M được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có trọng lượng 6,9756gam, loại **Methamphetamine.**”

Đối chiếu lời khai của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác thể hiện tại hồ sơ vụ án, từ đó đã có đủ căn cứ để xác định hành vi phạm tội của bị cáo. Qua xem xét nhân thân, hành vi của bị cáo xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Tr về tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng căn cứ pháp luật.

[3]Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của nhà nước về độc quyền quản lý các chất ma túy.

Ma túy là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm cũng như các tệ nạn xã hội khác, bị cáo cũng đã sử dụng ma túy nên biết được tác hại và hậu quả của ma túy. Nhưng bị cáo đã bất chấp hậu quả do ma túy mang lại, cũng như các quy định của pháp luật thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử. Do đó cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điều 46 BLHS.

[5]Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) gói nylon hàn kín bên trong chứa tinh thể màu trắng (kí hiệu M) (Nguyễn Ngọc Tr khai là ma túy đá) đã được niêm phong có chữ ký của Trường và dấu mộc của Công an phường B, thành phố B.

Trả lại cho bị cáo số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO số thuê bao 01213433878, số Imel 869700021323311 của Tr không liên quan đến hành vi phạm tội. Nhưng bị cáo phải nộp án phí nên tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án. Trả cho bị cáo số tiền còn lại cho bị cáo sau khi thi hành xong phần án phí.

Đối với xe mô tô biển số 60B4-086.74 Tr khai mượn của cháu tên Ng (không rõ họ, địa chỉ), Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa làm rõ được chủ sở hữu nên tách ra làm rõ xử lý sau.

Đối với người bán ma túy cho Tr, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[6]Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Tr phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1, điều 194 Bộ luật hình sự 1999; điểm s, khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Áp dụng điều 7 Bộ luật hình sự 2015.

Áp dụng nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Tr 02(hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày **06/10/2017**.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự 2015, điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy: lượng Methamphetamine còn lại sau giám định.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/3//2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B).

Trả lại cho bị cáo số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO số thuê bao 01213433878, số Imel 869700021323311 của Trường không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/3/2018 và biên lai thu tiền số 9659 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B).

Nhưng bị cáo phải nộp án phí nên tiếp tục tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án. Trả cho bị cáo số tiền còn lại cho bị cáo sau khi thi hành xong phần án phí.

An phí Hình sự sơ thẩm:

- Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- Tòa án tỉnh Đồng Nai.
- Sở tư pháp tỉnh Đồng
- VKS TP B.
- Thi hành án.
- Bị cáo, đương sự
- Công an TP B
- Lưu VP - HS

Nguyễn Thị Phú

